

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH BẾN TRE
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
MST: 1300100790

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 205/BC-CTTL

Bến Tre, ngày 19 tháng 6 năm 2018

Năm báo cáo: Năm 2015, 2016, 2017

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

Nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi của Công ty được UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm, với sự phối hợp đồng bộ cùng địa phương trên địa bàn tỉnh Bến Tre, các hệ thống công trình đảm bảo vận hành và điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý, thực hiện biện pháp vừa trữ ngọt kết hợp ngăn mặn, triển khai đồng bộ công tác đo mặn tại các công trình cống đầu mối, kết thúc từng vụ với năng suất lúa đạt khá cao, đảm bảo ngăn mặn xâm nhập nội đồng phục vụ tốt tưới tiêu cho diện tích cây trồng khác và sinh hoạt. Trong 03 năm 2015, 2016 và 2017 Công ty được UBND các huyện, thành phố đánh giá tốt về hiệu quả hoạt động quản lý khai thác phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Các chỉ tiêu về phục vụ sản xuất thực hiện trong 03 năm gần nhất như sau:

Diện tích cấp nước, tưới nước và tiêu nước:

- Năm 2015: 111.022,21 ha.

- Năm 2016: 108.576,28 ha.

- Năm 2017: 97.352,09 ha.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Đạt 100% kế hoạch.

Kết quả xếp loại doanh nghiệp các năm 2015, 2016, 2017: Công ty xếp loại A;
Viên chức quản lý: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất trong 03 năm trước: Dự án đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bến Tre được UBND tỉnh phê duyệt trong 3 năm thực hiện đúng các quy định, quy trình xây dựng cơ bản đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

Nguồn vốn thực hiện: Cấp bù miễn thủy lợi phí.

Giá trị thực hiện đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi trong 3 năm gần nhất:

- Năm 2015: 67,24 tỷ đồng.

- Năm 2016: 47,34 tỷ đồng.

- Năm 2017: 45,53 tỷ đồng.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm: không.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

*** Thuận lợi**

Được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương hỗ trợ nguồn vốn cấp bù miễn thủy lợi phí, sự quan tâm của Tỉnh ủy, chỉ đạo UBND tỉnh, các sở ngành liên quan trong công tác đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi trong tỉnh đã phát huy tốt năng lực phục vụ của các hệ thống công trình, sự phối hợp đồng bộ của các cấp chính quyền địa phương về lịch thời vụ, lịch vận hành và công tác sửa chữa nâng cấp các công trình nên đảm bảo yêu cầu tưới tiêu, chống hạn ứng kịp thời và ngăn mặn phục vụ cho sản xuất và dân sinh kinh tế.

Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí trong các năm qua đã tạo điều kiện cho việc tập trung hơn vào công tác quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi hiện có. Từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ cho công tác quản lý vận hành, nâng cấp dần công tác, lắp hệ thống tời quay đóng mở cống bằng cơ giới thay cho vận hành thủ công, trang bị máy đo mặn cho các trạm để phục vụ công tác đo mặn và báo cáo theo qui định. Các cống được sửa chữa kịp thời, các hệ thống kênh được nạo vét thông thoáng và tiêu thoát nhanh trong mùa mưa lũ, sửa chữa tôn cao các bờ bao cục bộ ngăn nước lũ và triều cường gây ngập úng các vườn cây ăn trái, giúp hộ nông dân được giảm bớt một phần chi phí sản xuất, tăng năng suất, nâng cao lợi nhuận và phát triển kinh tế gia đình.

*** Khó khăn**

- Về khai thác, vận hành công trình còn gặp một số khó khăn:
 - + Do nguồn vốn đầu tư các công trình chưa đồng bộ, chưa khép kín nên mặn còn xâm nhập vào nội đồng.
 - + Do tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, tình hình mặn xâm nhập ngày càng sớm và sâu trong những năm gần đây.
 - + Tình trạng người dân tự ý khoan lấy nước ngầm (mặn) để nuôi tôm biển trong vùng đã đầu tư xây dựng công trình ngọt hóa, xả thải và bơm bùn trực tiếp ra môi trường bên ngoài gây nhiễm mặn các kênh cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.
 - + Về công tác đầu tư sửa chữa, nạo vét công trình: Đa số các công trình nạo vét kênh trong thi công gặp khó khăn về mặt bằng đồ đất, do hoa màu và vật kiến trúc phía địa phương chịu trách nhiệm vận động nhân dân giải phóng mặt bằng không đền bù.
- Về công tác quản lý bảo vệ công trình thủy lợi: tình trạng lấn chiếm phạm vi bảo vệ các công trình còn xảy ra tương đối phổ biến.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Hiện nay có nhiều dự án công trình thủy lợi đang đầu tư xây dựng (Dự án JiCa sẽ đầu tư 08 cống ngăn mặn với kinh phí 6.200 tỷ đồng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư cống, đê khép kín Bắc Bến Tre với kinh phí 960 tỷ đồng), sau khi xây dựng đồng bộ sẽ khép kín đảm bảo ngăn mặn, ngăn lũ và triều cường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong công tác quản lý khai thác và vận hành các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý khai thác công trình, tổ chức bộ máy làm việc các chi nhánh trực thuộc Công ty, từng bước nâng cao trình độ, năng lực công nhân quản lý cống, trang bị và nâng cao năng lực quản lý điều hành tưới, tiêu.

Xây dựng phương án vận hành đồng bộ cho các hệ thống công trình đầu mối đảm bảo yêu cầu ngăn mặn, trữ ngọt, chủ động công tác điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

Tăng cường quản lý tốt mặt bằng và hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp địa phương giải quyết các trường hợp lấn chiếm mặt bằng công trình.

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT**

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018
1	Sản phẩm dịch vụ công ích (diện tích cấp, tưới, tiêu nước phục vụ nông nghiệp)	Ha	111.022,21	108.576,28	97.352,09	95.555,94
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	67,777	54,987	54,347	53,509
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,723	1,991	2,009	0,030
	Trong đó: + Chênh lệch TLP	Tỷ đồng	2,688	1,973	1,727	0,030
	+ Kinh doanh khác	Tỷ đồng	0,034	0,018	0,282	0
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,121	0,126	0,197	0,125
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn vay	“				
c)	- Vốn khác	“				
7	Tổng lao động	Người	99	110		142
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	2,128	3,788	4,068	4,798
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,246	0,581	0,650	0,664
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1,881	3,207	3,418	4,134

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con: Không có.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh Bến Tre
- Trung tâm TT Điện tử ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Ngân